

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
Tháng 12, quý IV và năm 2025

	Tháng 12 năm 2025 so với			Bình quân	Năm 2025
	Kỳ gốc	Tháng 12	Tháng 11	quý IV	Năm 2025
	(năm 2024)	năm	năm	năm 2025	so với
		2024	2025	so với cùng kỳ	năm 2024
				năm 2024	
Chỉ số giá tiêu dùng	106,55	103,59	100,03	103,45	103,40
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,00	103,23	100,36	102,55	102,80
Trong đó: Lương thực	97,98	96,96	100,41	97,16	99,12
Thực phẩm	106,62	104,91	100,48	103,43	103,30
Ăn uống ngoài gia đình	104,65	101,75	99,85	101,60	103,47
Đồ uống và thuốc lá	101,43	103,68	100,49	103,84	103,98
May mặc, mũ nón và giày dép	101,72	103,00	100,13	103,23	102,85
Nhà ở và vật liệu xây dựng	121,93	104,73	99,76	105,35	106,20
Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,91	102,39	100,53	102,21	101,75
Thuốc và dịch vụ y tế	109,53	117,45	100,13	117,29	117,31
Trong đó: Dịch vụ y tế	113,96	123,12	100,00	123,12	123,12
Giao thông	94,87	98,58	99,00	99,33	97,48
Bưu chính viễn thông	99,57	98,63	99,51	98,98	99,44
Giáo dục	107,58	103,51	99,75	103,71	101,35
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	109,14	103,80	99,70	104,01	101,33
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,11	102,58	99,95	102,14	100,60
Đồ dùng và dịch vụ khác	107,23	102,62	100,36	102,36	104,79
Chỉ số giá vàng	190,48	164,73	101,66	161,75	146,78
Chỉ số giá đô la Mỹ	105,35	103,70	100,13	104,36	103,44